

Tác động của thuế lãi tiền gửi đối với ngành Ngân hàng Việt Nam

- PGS, TS. TRẦN VIỆT DŨNG *
- THS. NGUYỄN NHẬT MINH *
- THS. NGUYỄN THỊ THU TRANG *

● NGÀY NHẬN BÀI: 24/3/2025 ● NGÀY BIÊN TẬP: 31/3/2025 ● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 16/4/2025



ẢNH: ĐỨC TRUNG

* VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NGÂN HÀNG, HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

Tóm tắt: Ngành Ngân hàng giữ vai trò cốt lõi trong hệ thống kinh tế của mọi quốc gia, hoạt động như một cầu nối quan trọng trong việc luân chuyển vốn từ người gửi tiền đến người vay. Tiền gửi của khách hàng không chỉ cấu thành nguồn vốn chủ đạo cho các ngân hàng, mà còn là cơ sở để tạo ra lợi nhuận thông qua các hoạt động tín dụng và đầu tư. Lãi suất tiền gửi, vì vậy, không chỉ đóng vai trò thu hút khách hàng mà còn là một yếu tố thiết yếu trong cấu trúc tài chính của ngân hàng. Tuy nhiên, khi chính phủ áp dụng thuế lên lãi tiền gửi, những tác động dây chuyền có thể ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động của ngành Ngân hàng, cũng như hành vi của người gửi tiền. Bài viết nhằm phân tích các tác động trực tiếp và gián tiếp cáo thể gây ra của chính sách thuế lãi tiền gửi đối với ngành Ngân hàng, đồng thời tham khảo kinh nghiệm quốc tế để đề xuất một số khuyến nghị chính sách phù hợp, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam – một nền kinh tế đang phát triển với hệ thống ngân hàng không ngừng mở rộng.

Từ khóa: Tiền gửi, lãi tiền gửi, thuế lãi tiền gửi, ngân hàng

IMPACTS OF SAVING INTEREST TAX ON VIETNAM BANKING SECTOR

Abstract: The banking sector plays a pivotal role in the economies of all nations, acting as an important bridge in the circulation of capital from depositors to borrowers. Savings deposits from customers not only constitute the main source of capital for banks, but also the basis to generate profits through credit and investment activities. Savings deposit interest rate, therefore, not only plays a role in attracting customers but also an essential element in the financial structure of banks. However, when the government imposes a tax on savings deposit interest, the spill-over effects can have a profound impact on the operations of the banking sector, as well as the behavior of the depositors. The article aims to analyze direct and indirect impacts of savings deposit interest tax policy on the banking sector, and at the same time with the reference from international practices to propose some policy recommendations, especially in the context of Vietnam - a developing economy with an expanding banking system.

Keywords: Deposit, savings deposit interest, savings deposit interest tax, bank

1. TỔNG QUAN VỀ THUẾ LÃI TIỀN GỬI

Thuế lãi tiền gửi là một loại thuế đánh vào khoản lãi mà cá nhân hoặc tổ chức nhận được từ việc gửi tiền tại các ngân hàng hoặc các định chế tài chính khác. Đây thường là một dạng thuế thu nhập cá nhân (TNCN), được áp dụng nhằm mục tiêu tăng nguồn thu ngân sách nhà nước, điều tiết thu nhập thụ động và định hướng hành vi kinh tế của người dân. Trong hệ thống tài chính, tiền gửi đóng vai trò quan trọng như một nguồn vốn chủ lực mà các ngân hàng huy động để thực hiện các hoạt động tín dụng, đầu tư và tạo lợi nhuận. Tuy nhiên, khi thuế lãi tiền gửi được áp dụng, nó có thể ảnh hưởng trực tiếp đến lợi tức thực tế mà người gửi tiền nhận được, từ đó tác động đến động lực tiết kiệm và cơ cấu dòng vốn trong nền kinh tế.

Trên thực tế, thuế lãi tiền gửi đã được các quốc gia áp dụng với các

mức thuế suất và cơ chế khác nhau, phụ thuộc vào mục tiêu chính sách và bối cảnh kinh tế - tài chính của từng nước. Một số quốc gia sử dụng thuế suất linh hoạt, trong khi các quốc gia khác áp dụng thuế suất cố định hoặc kết hợp với ngưỡng miễn thuế. Chẳng hạn, tại Đức, lãi tiền gửi chịu thuế suất cố định 25%, kèm theo ngưỡng miễn thuế 801 Euro/năm cho mỗi cá nhân (theo Điều 32d và Điều 20 của Đạo luật Thuế thu nhập Đức). Ngược lại, tại Việt Nam hiện nay, theo Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân cùng Luật sửa đổi, bổ sung, lãi từ tiền gửi tiết kiệm của cá nhân tại ngân hàng không phải chịu thuế TNCN.

Việc cân nhắc áp dụng thuế lãi

tiền gửi tại Việt Nam trong tương lai đòi hỏi sự đánh giá kỹ lưỡng và khoa học. Ngành Ngân hàng giữ vai trò trụ cột trong hệ thống kinh tế, đảm bảo luân chuyển vốn hiệu quả từ người gửi tiền đến các hoạt động tín dụng và đầu tư. Do đó, chính sách thuế này không chỉ tác động trực tiếp đến lợi nhuận của ngân hàng mà còn có thể gây ra những ảnh hưởng sâu rộng đến tăng trưởng kinh tế và hành vi tài chính của người dân. Những tác động này cần được phân tích cẩn thận để đảm bảo tính bền vững của hệ thống tài chính và sự phát triển kinh tế quốc gia.

2. TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ LÃI TIỀN GỬI ĐỐI VỚI NGÀNH NGÂN HÀNG

2.1 Tác động trực tiếp

Thứ nhất, thuế lãi tiền gửi ảnh hưởng lớn đến khả năng huy động vốn của ngân hàng. Tiền gửi của khách

hàng là nguồn vốn chủ lực, có chi phí huy động thấp hơn nhiều so với các nguồn vốn khác như phát hành trái phiếu, vay liên ngân hàng hay huy động vốn quốc tế. Nguồn vốn này không chỉ quan trọng về số lượng mà còn mang tính chiến lược, là nền tảng cho các hoạt động cốt lõi của ngân hàng: cung cấp tín dụng cho cá nhân, doanh nghiệp và đầu tư vào các tài sản tài chính sinh lời. Tuy nhiên, thuế lãi tiền gửi làm giảm lợi tức thực tế của người gửi, khiến tiền gửi kém hấp dẫn hơn. Điều này làm suy giảm động lực gửi tiền, đặc biệt với khách hàng nhạy cảm với lợi nhuận. Hệ quả là, nguồn vốn huy động của ngân hàng giảm sút, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cung cấp tín dụng và lợi nhuận. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong giai đoạn 1999-2008, khi áp dụng thuế suất 20% (Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân Trung Quốc, 1999), cho thấy tốc độ tăng trưởng tiền gửi giảm mạnh từ 12-15%/năm xuống còn 8-10%/năm (CEIC, 2008), tác động tiêu cực đến khả năng cung cấp tín dụng, đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME).

Thứ hai, thuế lãi tiền gửi tác động trực tiếp đến lãi suất huy động và cho vay, qua đó ảnh hưởng đến lợi nhuận ngân hàng và tăng trưởng kinh tế. Sự sụt giảm tiền gửi buộc ngân hàng phải điều chỉnh chiến lược huy động vốn, thường bằng cách tăng lãi suất huy động để thu hút khách hàng. Tuy nhiên, việc này làm tăng chi phí vốn, trực tiếp tác động tiêu cực đến lợi nhuận. Biên lợi nhuận ròng (Net Interest Margin - NIM), chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất huy động, sẽ bị thu hẹp đáng kể. Để bù đắp chi phí vốn tăng, ngân hàng buộc phải tăng lãi suất cho vay, gây ra tác động dây chuyền đến cả doanh nghiệp và cá nhân. Doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), sẽ phải đối mặt với chi phí vay cao hơn, làm giảm khả năng đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh và có thể dẫn đến

suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Đối với khách hàng cá nhân, lãi suất vay mua nhà, vay tiêu dùng tăng lên, làm giảm nhu cầu tiêu dùng và tác động tiêu cực đến các ngành liên quan như bất động sản, ô tô và hàng tiêu dùng. Tại Hàn Quốc, việc áp thuế lãi tiền gửi bắt đầu từ năm 1980 và được duy trì cho đến nay (MOEF, 2024). Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ năm 1980-1997, việc áp thuế lãi tiền gửi khiến các ngân hàng tại quốc gia này phải tăng lãi suất huy động để duy trì khả năng huy động vốn, kéo theo việc tăng lãi suất cho vay bình quân lên 10-12% (World Bank Group, 1997), gây áp lực lớn lên tăng trưởng tín dụng của quốc gia. Chi phí vốn cao còn đẩy ngân hàng cho vay rủi ro cao, tăng nguy cơ nợ xấu, làm suy yếu chính sách kích thích kinh tế trong thời kỳ suy giảm sau đại dịch.

Thứ ba, thuế lãi tiền gửi có thể gây ra sự chuyển dịch mạnh mẽ trong hành vi của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Khi lợi tức từ tiền gửi giảm, nhiều cá nhân và doanh nghiệp sẽ tìm kiếm các kênh đầu tư khác như chứng khoán, vàng, bất động sản, hoặc thậm chí tín dụng phi chính thức để tối ưu hóa lợi nhuận. Khách hàng nhỏ lẻ mất động lực tiết kiệm, trong khi khách hàng VIP đẩy mạnh đầu tư vào quỹ tương hỗ và tài sản rủi ro cao. Nếu không có mức miễn thuế hợp lý như Đức đã áp dụng mức miễn thuế 801 Euro/năm (1.602 Euro cho cặp vợ chồng), dòng tiền có thể chảy vào các kênh phi chính thức, làm suy giảm nguồn vốn ngân hàng và hiệu quả chính sách tiền tệ.

Kinh nghiệm của Trung Quốc (1999-2008) cho thấy, việc áp thuế 20% lên lãi tiền gửi đã khiến dòng tiền chuyển mạnh sang bất động sản và chứng khoán, góp phần hình thành bong bóng tài sản. Chỉ số Shanghai Composite tăng mạnh từ 1.500 điểm năm 2005 lên 6.000 điểm năm 2007 (Sổ giao dịch chứng khoán Thượng Hải, 2007), trước khi sụp đổ. Trong thực tế, Trung Quốc

đã chứng kiến xu hướng này trong giai đoạn 1999-2008, khi nhiều người chia nhỏ tài khoản tiền gửi dưới mức chịu thuế hoặc tìm kiếm các kênh đầu tư không bị đánh thuế như quỹ tương hỗ và bảo hiểm nhân thọ. Tương tự, tại Hàn Quốc, sau khi áp thuế lãi tiền gửi 10-15% vào thập niên 1980, nhóm khách hàng giàu có đã đẩy mạnh việc chuyển tiền vào các tài sản ngoài hệ thống ngân hàng như quỹ đầu tư và bất động sản, làm thay đổi cơ cấu tiết kiệm và đầu tư của nền kinh tế, dẫn đến giá nhà tại Seoul tăng trung bình 10-15%/năm trong gần hai thập kỷ, tạo bong bóng bất động sản trước khủng hoảng tài chính châu Á 1997 (MOEF, 2024). Tại Thái Lan, việc áp thuế 15% trong thập niên 1990 (Bộ Luật doanh thu) mà không có cơ chế miễn thuế hợp lý đã khiến dòng tiền đổ mạnh vào tín dụng phi chính thức với lãi suất lên tới 20-30%/năm, làm suy yếu hệ thống ngân hàng chính thức và tạo rủi ro tài chính ngầm. Sự chuyển dịch này không chỉ giảm dòng tiền trong hệ thống ngân hàng mà còn làm gia tăng nguy cơ bong bóng tài sản và bất ổn kinh tế vĩ mô, đặc biệt khi dòng vốn tập trung vào các kênh đầu tư rủi ro cao.

2.2 Tác động gián tiếp

Thứ nhất, việc áp dụng thuế lãi tiền gửi tác động mạnh đến cơ cấu tài sản và thanh khoản của ngân hàng. Việc áp dụng thuế lãi tiền gửi khiến dòng tiền gửi giảm, buộc ngân hàng phải tìm nguồn vốn thay thế như phát hành trái phiếu hoặc vay liên ngân hàng. Tuy nhiên, các nguồn này thường có lãi suất cao hơn, kỳ hạn ngắn và kém ổn định so với tiền gửi, dẫn đến nguy cơ mất cân đối cơ cấu tài sản - nợ phải trả. Điều này làm gia tăng rủi ro thanh khoản, gây khó khăn trong việc đảm bảo khả năng thanh toán và ổn định tài chính. Đồng thời, áp lực duy trì lợi nhuận có thể khiến ngân hàng đầu tư vào tài sản rủi ro cao hơn như tín dụng tiêu dùng không đảm bảo hoặc công cụ tài chính phức tạp,



Thuế lãi tiền gửi ảnh hưởng lớn đến khả năng huy động vốn của ngân hàng

làm tăng nguy cơ bất ổn hệ thống và khủng hoảng tài chính dài hạn.

Thứ hai, thuế lãi tiền gửi có thể làm suy yếu sự ổn định hệ thống ngân hàng trong dài hạn. Việc giảm lợi tức thực tế từ tiền gửi làm suy giảm nguồn vốn, ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn và sức khỏe tài chính của ngân hàng. Nếu kéo dài, rủi ro hệ thống sẽ gia tăng, đặc biệt trong các giai đoạn khủng hoảng kinh tế khi tính thanh khoản là yếu tố sống còn. Sự suy yếu của một ngân hàng có thể lan rộng, gây mất niềm tin và rút tiền hàng loạt, làm trầm trọng thêm bất ổn và đe dọa khả năng hỗ trợ kinh tế. Thêm vào đó, thuế lãi tiền gửi, nếu không thiết kế hợp lý (ví dụ: thiếu cơ chế miễn thuế), có thể khiến dòng tiền chuyển sang kênh đầu tư phi chính thức hoặc ngoài hệ thống ngân hàng. Kinh nghiệm của Thái Lan (thập niên 1990) cho thấy, thuế 15% đã dẫn đến tăng mạnh tín dụng phi chính thức, làm suy yếu hệ thống ngân hàng chính thức và tạo rủi ro tài chính ngầm.

Thứ ba, thuế lãi tiền gửi ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các chiến lược đầu tư và phát triển của ngân hàng, làm giảm khả năng cạnh tranh và ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Sự

suy giảm nguồn tiền gửi và chi phí huy động vốn tăng cao (do phải tìm kiếm nguồn vốn thay thế như phát hành trái phiếu hay vay liên ngân hàng) gây áp lực tài chính lớn, hạn chế khả năng ngân hàng đầu tư vào công nghệ, phát triển sản phẩm mới (ví dụ như ngân hàng số), và hỗ trợ SME thông qua tín dụng ưu đãi. Trong môi trường cạnh tranh với Fintech và ngân hàng quốc tế, thiếu vốn đầu tư làm chậm hiện đại hóa, giảm thị phần và hạn chế khả năng hỗ trợ các lĩnh vực kinh tế trọng điểm như cơ sở hạ tầng và công nghệ, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động dài hạn của ngân hàng. Kinh nghiệm tại Đức cho thấy, sau khi áp thuế cố định 25% lên lãi tiền gửi từ năm 2009, nhóm khách hàng doanh nghiệp đã giảm sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng, thay vào đó họ chuyển sang phát hành trái phiếu doanh nghiệp hoặc tìm kiếm nguồn vốn từ các quỹ đầu tư nhân, từ đó khiến hệ thống ngân hàng mất đi một phần thị trường tín dụng truyền thống và làm thay đổi cấu trúc tài chính của nền kinh tế. Điều này làm giảm khả năng cạnh tranh của ngân hàng và kìm hãm động lực tăng trưởng kinh tế.

3. KINH NGHIỆM MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ THUẾ LÃI TIỀN GỬI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

3.1 Kinh nghiệm một số quốc gia

Nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng chính sách thuế đối với thu nhập từ lãi tiền gửi, nhằm mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu ngân sách, điều tiết thu nhập thụ động và định hướng hành vi kinh tế. Kinh nghiệm từ Trung Quốc, Đức, Thái Lan và Hàn Quốc – những quốc gia có bối cảnh kinh tế và mức độ phát triển tài chính khác nhau – cung cấp những bài học giá trị cho Việt Nam trong việc thiết kế và triển khai chính sách thuế này.

Trung Quốc: Trước năm 1999, nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh dựa trên nguồn vốn chủ yếu từ tiền gửi hộ gia đình (chiếm 80% vốn huy động), tạo nên một hệ thống tài chính đơn giản nhưng thiếu đa dạng và hiệu quả quản lý. Năm 1999, chính phủ áp dụng thuế lãi tiền gửi 20% với mục tiêu tăng thu ngân sách (ước tính 50-70 tỷ Nhân dân tệ/năm) và điều tiết thu nhập. Tuy nhiên, chính sách này đã làm giảm tốc độ tăng trưởng tiền gửi từ 12-15%/năm xuống còn

8-10%/năm, đồng thời dẫn đến sự dịch chuyển dòng tiền sang các kênh đầu tư rủi ro hơn như bất động sản và chứng khoán, tạo ra bong bóng tài sản (ví dụ: giá nhà tại Bắc Kinh tăng từ 2000 Nhân dân tệ/m² lên 10.000 Nhân dân tệ/m² từ năm 2003 đến 2008). Giai đoạn 1999-2008 cho thấy thuế suất 20% đã không cân bằng được giữa mục tiêu tăng thu ngân sách và duy trì ổn định tài chính, dẫn đến suy giảm tín dụng và sự phát triển của tín dụng đen. Sau khi bãi bỏ thuế năm 2008, tiền gửi phục hồi mạnh mẽ (tăng trưởng 12-15%/năm từ 2008-2012), tín dụng mở rộng, và nền kinh tế vượt qua được khủng hoảng. Tuy nhiên, những thách thức dài hạn vẫn còn tồn tại, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của thị trường bất động sản và Fintech.

Đức: Trước năm 2009, hệ thống tài chính Đức đã khá đa dạng, với tiền gửi hộ gia đình đóng vai trò quan trọng nhưng không chiếm ưu thế tuyệt đối so với các kênh đầu tư khác. Hệ thống thuế lũy tiến lúc đó không gây ảnh hưởng lớn đến thị trường, nhưng lại thiếu tính công bằng do không có ngưỡng miễn thuế rõ ràng. Từ năm 2009, Đức áp dụng thuế cố định 25% (Abgeltungsteuer) đối với lãi tiền gửi, kèm theo ngưỡng miễn thuế 801 Euro/năm cho cá nhân (1.602 Euro cho cặp vợ chồng). Chính sách này được thực hiện trong bối cảnh lãi suất thấp (0-1%/năm) do chính sách của Ngân hàng Trung ương

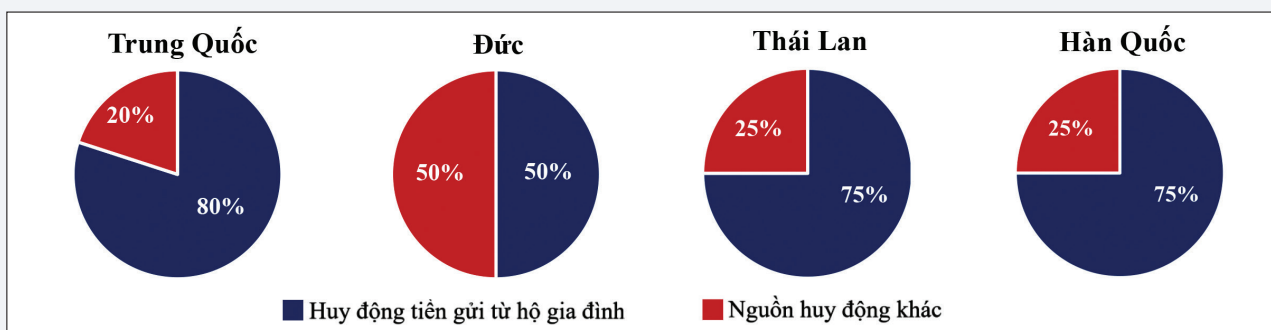
châu Âu (ECB) và thị trường tài chính đã phát triển mạnh. Kết quả là, thuế mang lại nguồn thu ổn định (10-15 tỷ Euro/năm) hỗ trợ an sinh xã hội mà không gây xáo trộn lớn. Tuy nhiên, lãi suất thực tế sau thuế thấp (0-0,75%) đã làm giảm nhẹ động lực tiết kiệm dài hạn, mặc dù tiền gửi vẫn chiếm 40-50% vốn huy động của ngân hàng. Điều này cho thấy chính sách thuế cố định với ngưỡng miễn thuế phù hợp hơn với các nền kinh tế có lãi suất thấp và thị trường tài chính phát triển, giúp đảm bảo ổn định tài chính và công bằng xã hội.

Thái Lan: Trước thập niên 1990, nền kinh tế Thái Lan tăng trưởng dựa trên nguồn vốn chủ yếu từ tiền gửi hộ gia đình (chiếm 70-80% vốn huy động), tạo nên một hệ thống tài chính tương đối ổn định nhưng thiếu đa dạng và hiệu quả quản lý. Từ đầu thập niên 1990, chính phủ Thái Lan áp dụng thuế 15% lên lãi tiền gửi, với mục tiêu tăng thu ngân sách (ước tính 20-30 tỷ Baht/năm) trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển đổi từ nông nghiệp sang công nghiệp (GDP tăng 8-10%/năm). Tuy nhiên, chính sách này đã làm giảm tốc độ tăng trưởng tiền gửi (từ 10-12% xuống 7-9%/năm) và góp phần đẩy dòng tiền vào bất động sản và chứng khoán, dẫn đến bong bóng tài sản vỡ năm 1997 (giá nhà Bangkok giảm 30-40%). Khủng hoảng tài chính năm 1997 đã phơi bày những điểm yếu trong quản lý tài chính và sự thiếu

đa dạng của thị trường. Mặc dù hệ thống tài chính sau đó đã phục hồi nhờ điều chỉnh chính sách và niềm tin vào ngân hàng, nhưng tham nhũng và quản lý yếu kém vẫn hạn chế hiệu quả của chính sách thuế (Chỉ số Nhận thức về Tham nhũng - CPI tăng từ 3-4 lên 5-6/10). Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc đa dạng hóa thị trường tài chính và củng cố năng lực quản lý trước khi áp dụng các chính sách thuế có thể tác động mạnh đến hệ thống tài chính.

Hàn Quốc: Trước thập niên 1980, nền kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng mạnh mẽ nhờ công nghiệp hóa, dựa trên nguồn vốn chủ yếu từ tiền gửi hộ gia đình (chiếm 70-80% vốn huy động). Hệ thống tài chính lúc đó tương đối ổn định nhưng thiếu đa dạng và vẫn đề tham nhũng đã tiềm ẩn nhiều rủi ro. Từ thập niên 1980, chính phủ Hàn Quốc áp dụng thuế 10-15% lên lãi tiền gửi, với mục tiêu tăng thu ngân sách (ban đầu ước tính 2-3 nghìn tỷ Won/năm). Tuy nhiên, chính sách này đã làm giảm tốc độ tăng trưởng tiền gửi (từ 12-15% xuống 8-10%/năm) và góp phần tạo ra bong bóng bất động sản, dẫn đến khủng hoảng tài chính năm 1997 (giá nhà Seoul giảm 20-30%). Tham nhũng và quản lý yếu kém thời kỳ này đã làm giảm hiệu quả của chính sách thuế. Sau khủng hoảng 1997, Hàn Quốc đã thực hiện cải cách, điều chỉnh chính sách thuế (thuế suất hiện tại là 15,4% với ngưỡng miễn

HÌNH 1: TỶ TRỌNG TIỀN GỬI HỘ GIA ĐÌNH TRONG TỔNG NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG TẠI CÁC QUỐC GIA TRƯỚC KHI ÁP THUẾ



Nguồn: Tổng hợp của tác giả

BẢNG: CHÍNH SÁCH THUẾ TRÊN LÃI TIỀN GỬI TIẾT KIỆM TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA

Quốc gia	Mức thuế (%)	Ngưỡng miễn thuế	Chính sách hỗ trợ khác
Trung Quốc	20% (1999-2008)	Không có	Tăng trợ cấp cho người lao động thất nghiệp, tăng lương công chức, hỗ trợ bảo hiểm xã hội
	0% (2008-nay)	Không áp dụng (miễn thuế hoàn toàn)	Gói kích thích kinh tế sau khủng hoảng 2008 (cơ sở hạ tầng, SOE)
Đức	25% (2009-nay)	801 Euro/năm (cá nhân); 1.602 Euro/năm (vợ chồng)	ECB giữ lãi suất thấp (0-1%) để kích thích kinh tế sau khủng hoảng 2008
Thái Lan	15% (1990-nay)	20.000 Baht/ năm sau năm 2000	Hỗ trợ tín dụng SMEs sau khủng hoảng 1997, cải cách tài chính
Hàn Quốc	10-15% (1980 - 1997); 15,4% (nay)	20 triệu Won/năm sau năm 2000	Cải cách tài chính sau 1997, hỗ trợ SMEs, phát triển thị trường trái phiếu/quỹ

Nguồn: Tác giả tổng hợp

thuế nhỏ), đa dạng hóa thị trường tài chính, và tăng cường hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME - tỷ trọng tín dụng tăng từ 30% lên 40%). Điều này đã giúp hệ thống tài chính phục hồi và giảm bất bình đẳng. Kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy việc áp dụng thuế lãi tiền gửi cần được thực hiện thận trọng, kết hợp với việc đa dạng hóa thị trường tài chính, tăng cường quản lý, và giải quyết vấn đề tham nhũng để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của nền kinh tế.

3.2 Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Dựa trên kinh nghiệm của các quốc gia, với GDP bình quân đầu người của Việt Nam năm 2023 ước tính khoảng 4.700 USD (Tổng cục Thống kê, 2024), tổng tiền gửi của dân cư đạt khoảng 7 triệu tỷ đồng (Ngân hàng Nhà nước, 2024), cùng mục tiêu phát triển kinh tế đầy tham vọng (dự kiến đạt 8% vào năm 2025 và hướng tới mức tăng trưởng hai chữ số trong giai đoạn 2026-2030), có thể rút ra một số bài học như sau:

Một là, mức thuế cần thận trọng và phù hợp với lãi suất tiền gửi: Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, thuế suất cao (như Trung Quốc 20%, Thái Lan 15%) có thể gây ra tác dụng ngược,

làm giảm tiền gửi và tạo bong bóng tài sản nếu thị trường tài chính chưa đa dạng. Ngược lại, Đức, với mức thuế 25% nhưng lãi suất thấp và thị trường tài chính phát triển, đã đạt được hiệu quả tốt. Hàn Quốc cho thấy thuế vừa phải (10-15%), kết hợp với mức miễn thuế hợp lý, có thể cân bằng giữa việc tăng thu ngân sách và khuyến khích người dân tiết kiệm. Vì vậy, Việt Nam cần nghiên cứu kỹ lưỡng bối cảnh kinh tế - tài chính hiện tại, xem xét mức lãi suất và độ phát triển của thị trường trước khi quyết định mức thuế phù hợp.

Hai là, áp dụng ngưỡng miễn thuế để bảo vệ người gửi nhỏ lẻ: Kinh nghiệm từ Đức cho thấy, việc đặt ra mức miễn thuế (801 Euro/năm) giúp bảo vệ người gửi tiền nhỏ lẻ và đảm bảo tính công bằng trong chính sách thuế. Ngược lại, việc thiếu hoặc không rõ ràng về ngưỡng miễn thuế ở Trung Quốc và Thái Lan đã dẫn đến những bất ổn tài chính. Vì vậy, Việt Nam có thể tham khảo việc thiết lập mức miễn thuế để vừa khuyến khích tiết kiệm, vừa giảm bớt gánh nặng cho người có thu nhập thấp.

Ba là, đa dạng hóa thị trường tài chính trước khi áp thuế: Trung Quốc, Thái Lan và Hàn Quốc đều gặp bong bóng bất động sản do thiếu

lựa chọn đầu tư thay thế khi áp thuế. Việt Nam cần phát triển thị trường chứng khoán, trái phiếu và quỹ đầu tư trước khi tăng thuế, tránh dòng tiền rời ngân hàng gây bất ổn, đặc biệt khi bất động sản đã là kênh đầu cơ phổ biến.

Bốn là, tăng cường quản lý tham nhũng và rửa tiền: Kinh nghiệm quốc tế cho thấy tham nhũng tại Thái Lan và Hàn Quốc đã làm giảm hiệu quả thuế và góp phần gây ra khủng hoảng tài chính. Ngược lại, Đức, với hệ thống giám sát chặt chẽ (Chỉ số Nhận thức về Tham nhũng - CPI đạt 8-9/10), đã đạt được hiệu quả tốt. Vì vậy, Việt Nam cần phải tăng cường minh bạch hoạt động ngân hàng, hoàn thiện hệ thống chống rửa tiền để đảm bảo nguồn thu từ thuế được sử dụng đúng mục đích và tránh bị lợi dụng cho các hoạt động phi pháp.

Năm là, ưu tiên tín dụng SMEs và ổn định kinh tế: Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, Việt Nam cần ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp SME thông qua tín dụng. Kinh nghiệm từ Hàn Quốc cho thấy, sau khi điều chỉnh chính sách thuế, tỷ trọng tín dụng dành cho SME đã tăng đáng kể (từ 30% lên 40%), góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, việc Trung Quốc ưu tiên cho vay doanh nghiệp nhà nước

(SOE) đã gây bất lợi cho khu vực tư nhân. Vì vậy, Việt Nam nên định hướng nguồn vốn từ tiền gửi để hỗ trợ SME – xương sống của nền kinh tế – thay vì tập trung vào doanh nghiệp lớn hoặc các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản.

4. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH THUẾ LÃI TIỀN GỬI TẠI VIỆT NAM

4.1. Đánh giá tác động và tính khả thi áp dụng thuế lãi tiền gửi đối với ngành Ngân hàng

Đề xuất đánh thuế lãi tiền gửi cá nhân là chính sách tác động mạnh đến hệ thống tài chính và kinh tế Việt Nam, đặc biệt khi ngành Ngân hàng giữ vai trò trụ cột. Mục tiêu của nó là mở rộng cơ sở thuế, tăng thu ngân sách và đảm bảo công bằng thuế giữa cá nhân và doanh nghiệp, nhưng ảnh hưởng đến ngân hàng có thể rất lớn. Việc áp thuế dễ làm giảm động lực gửi tiền, dẫn đến suy giảm dòng vốn huy động, buộc ngân hàng tìm nguồn vốn thay thế như phát hành trái phiếu hoặc vay liên ngân hàng với chi phí cao, từ đó đẩy lãi suất cho vay tăng, ảnh hưởng đến doanh nghiệp, hộ gia đình và tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, thuế này có thể thúc đẩy dòng vốn dịch chuyển sang bất động sản, vàng, chứng khoán hoặc tín dụng phi chính thức, gây mất cân đối tài chính và suy yếu chính sách tiền tệ, như kinh nghiệm Thái Lan thập niên 1990. Dù vậy, chính sách cũng mang lại lợi ích như tăng nguồn thu ngân sách và điều tiết thu nhập thụ động. Hiện tại, lãi tiền gửi cá nhân tại Việt Nam

không chịu thuế TNCN, khác với Đức (25%) hay Thái Lan (15%). Với GDP bình quân đầu người tại Việt Nam đạt khoảng 4.700 USD (năm 2024) và thị trường tài chính chưa đa dạng, trong ngắn hạn, chính sách này chưa phù hợp do rủi ro hệ thống cao. Tuy nhiên, về dài hạn, có thể cân nhắc nếu kết hợp biện pháp hỗ trợ như miễn thuế cho người gửi nhỏ lẻ (ví dụ như Hàn Quốc, 20 triệu Won/năm) hoặc giữ lãi suất thấp (ví dụ như Đức, ECB 0-1%), cùng lộ trình hợp lý và đánh giá kỹ tác động để tránh hậu quả không mong muốn.

4.2. Đề xuất, khuyến nghị chính sách thuế lãi tiền gửi

Để giảm thiểu tác động tiêu cực và tối ưu hóa lợi ích của thuế lãi tiền gửi, chính sách cần được thiết kế hợp lý và triển khai đồng bộ với các biện pháp hỗ trợ. Trước hết, mức thuế suất nên ở mức thấp, khoảng 5-10%/năm, có thể tham khảo kinh nghiệm của Hàn Quốc (10-15%/năm) nhằm hạn chế rủi ro, tránh mức cao như Trung Quốc (20%/năm) từng gây bong bóng tài sản. Đồng thời, áp dụng ngưỡng miễn thuế hoặc mức thuế suất thấp cho khoản lãi nhỏ để bảo vệ người gửi nhỏ lẻ, giảm nguy cơ rút tiền hàng loạt, như kinh nghiệm của Hàn Quốc và Đức. Đối với khoản lãi vượt ngưỡng, áp dụng biểu thuế lũy tiến, đảm bảo người có mức tiết kiệm cao hơn sẽ chịu thuế cao hơn, phù hợp với nguyên tắc công bằng dọc. Chính sách nên bắt đầu bằng lộ trình thử nghiệm ngắn hạn, kết hợp theo dõi tác động đến dòng vốn, trước khi áp dụng toàn diện.

Bên cạnh đó, cần hỗ trợ ngành

Ngân hàng bằng cách phát triển thị trường tài chính như chứng khoán, trái phiếu, tạo kênh đầu tư thay thế, tránh dòng vốn chảy vào bất động sản hoặc tín dụng phi chính thức. Duy trì lãi suất tiền gửi hợp lý (lãi suất tiền gửi hiện nay khoảng 5-7%/năm) và chính sách tiền tệ linh hoạt, giúp giảm áp lực chi phí huy động vốn. Về quản trị, cần cải thiện giám sát tài chính, chống tham nhũng và rửa tiền, tránh lặp lại sai lầm của Thái Lan, đồng thời xây dựng công cụ đo lường rủi ro hệ thống để theo dõi tác động thuế trong giai đoạn khủng hoảng.

Cuối cùng, để bù đắp suy giảm tăng trưởng kinh tế, nên cung cấp tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp SME cùng các ngành chiến lược như cơ sở hạ tầng, công nghệ. Các biện pháp này sẽ đảm bảo chính sách thuế lãi tiền gửi vừa khả thi vừa hỗ trợ sự ổn định của ngành Ngân hàng và nền kinh tế.

Tóm lại, trong bối cảnh hiện tại, với thị trường tài chính chưa đủ đa dạng và rủi ro hệ thống còn cao, Việt Nam nên ưu tiên củng cố hệ thống tài chính thông qua đa dạng hóa kênh đầu tư, hoàn thiện khung pháp lý, và nâng cao năng lực giám sát, quản lý rủi ro, thay vì áp dụng ngay thuế lãi tiền gửi. Về dài hạn, khi nền kinh tế ổn định hơn và thị trường tài chính phát triển đủ mạnh, việc áp dụng thuế này mới khả thi, hiệu quả, đặc biệt nếu kết hợp lộ trình thử nghiệm và các biện pháp hỗ trợ đã đề xuất. Cách tiếp cận này không chỉ duy trì niềm tin vào hệ thống ngân hàng mà còn tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế bền vững◆

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. German Income Tax Act, 2008
2. Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 Hướng dẫn Luật thuế thu nhập cá nhân.
3. Nghị định 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 Quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.
4. Ministry of Economy and Finance KOREA (2021), Korean taxation 2021
5. Personal Income Tax Law of the People's Republic of China (1999),
6. Thai Income Tax Law, 2024
7. <https://www.ceicdata.com>
8. <https://data.worldbank.org>